

S : 115/2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sở hữu, bổ sung một số nội dung Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung Luật Chứng khoán và Luật Sở hữu, bổ sung một số nội dung Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung Luật Chứng khoán và Luật Sở hữu, bổ sung một số nội dung Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo nghị quyết của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Ban chấp hành Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Thông tư này hướng dẫn việc giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán có tổ chức.

**Điều 2. Nội dung áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các chủ thể giám sát và nội dung giám sát dưới đây:

1. Chủ thể giám sát:

- a) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là UBCKNN);
- b) Sở Giao dịch Chứng khoán (sau đây viết tắt là SGDCK);
- c) Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là TTLKCK).

2. *Điểm* giám sát là các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình giao dịch, cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán, bao gồm:

- a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;
- b) Thành viên giao dịch và thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh (sau đây viết tắt là TVGD);
- c) Thành viên Lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là TVLK);
- d) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- e) SGDCK, TTLKCK khi tham gia cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán;
- f) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thẩm quyền bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là TVBT);
- g) Nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức (sau đây viết tắt là NĐT);
- h) Ngân hàng giám sát, ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ mở tài khoản tín dụng đầu tư chứng khoán;
- i) Các điểm liên quan.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây có nghĩa như sau:

1. *Thị trường chứng khoán có tổ chức* là thị trường hình thức trao đổi thông tin tập hợp mua, bán và giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK, bao gồm cả thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là TTCK).

2. *Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch* là tổ chức có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK.

3. *Giao dịch chứng khoán* là việc mua, bán chứng khoán thực hiện qua hệ thống giao dịch của SGDCK và các trường hợp chuyển quyền sở hữu khác liên quan đến chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK do TTLKCK thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

4. *Giao dịch nội bộ* là các hành vi có quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định số 58/2012/NĐ-CP).

5. *Giao dịch thao túng TTCK* là các hành vi được quy định trong khoản 2 điều 70 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

6. *Giao dịch bất thường* là các giao dịch rơi vào các tiêu chí cảnh báo bất thường của hệ thống tiêu chí giám sát do SGDCK ban hành và áp dụng xác định chứng khoán có giao dịch bất thường sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

7. *Tin tức* là thông tin cá nhân nhóm người, cá nhân cá nhân, tổ chức và mối liên quan đến các chứng khoán hoặc giao dịch chứng khoán diễn ra trên TTCK có thể có hoặc không có thể, những thông tin mà phát ra tin tức nhà có chức năng kiểm soát.

## Chương II

### TỔ CHỨC CÔNG TÁC GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

#### Mục 1

#### GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

#### CÁU BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

#### Điều 4. Trách nhiệm và quy định của UBCKNN

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về giám sát giao dịch chứng khoán.

2. Ban hành quy trình giám sát giao dịch chứng khoán của UBCKNN; quy chế phối hợp trong công tác giám sát giao dịch chứng khoán giữa UBCKNN, SGDCK và TTLKCK.

3. Phê duyệt hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán do SGDCK xây dựng và các ngành giám sát tài sản ký quỹ, ghi nhận và theo dõi tài khoản của NĐT, TVBT do TTLKCK xây dựng.

4. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giám sát giao dịch chứng khoán hàng năm.

5. Giám sát các hoạt động giao dịch chứng khoán trên TTCK nhằm phát hiện, ngăn ngừa, xử lý các hành vi giao dịch nội bộ, giao dịch thao túng TTCK và các hành vi vi phạm quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán.

6. Giám sát NĐT trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán.

7. Yêu cầu các tổ chức giám sát báo cáo, ghi trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch chứng khoán.

8. K p th i có c nh báo phù h p i v i các giao d ch và hành vi có d u hi u vi ph m pháp lu t nh m ng n ng a hành vi vi ph m pháp lu t trong giao d ch ch ng khoán c a i t ng giám sát.

9. T ng h p báo cáo giám sát và báo cáo ph c v công tác giám sát c a SGDCK, TTLKCK, TVGD; yêu c u SGDCK, TTLKCK, TVGD, TVBT ph i h p k p th i phát hi n, phân tích, ánh giá và t i n hành ki m tra, x lý khi c n thi t i v i các i t ng liên quan n các giao d ch ch ng khoán b t th ng theo quy nh c a pháp lu t.

10. Ch trì, ph i h p v i các n v liên quan trong vi c ki m tra i v i các i t ng giám sát quy nh t i kho n 2 i u 2 Thông t này.

11. Hàng n m ho c theo yêu c u c a B Tài chính, UBCKNN báo cáo B Tài chính v k t qu th c hi n công tác giám sát giao d ch ch ng khoán.

### **i u 5. N i dung giám sát c a UBCKNN**

N i dung giám sát c a UBCKNN bao g m:

1. Trên c s báo cáo giám sát, báo cáo ph c v công tác giám sát c a SGDCK, TTLKCK, TVGD và các ngu n thông tin khác, phân tích sâu phát hi n các giao d ch thao túng TTCK, giao d ch n i b , các giao d ch b c m khác và các hành vi vi ph m quy nh pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán liên quan n ho t ng giao d ch ch ng khoán có bi n pháp ng n ch n, x lý k p th i.

2. Giám sát ho t ng c a SGDCK trong vi c t ch c và giám sát các giao d ch ch ng khoán di n ra trên TTCK thu c ph m vi giám sát c a SGDCK theo quy nh t i M c 2 Ch ng II Thông t này.

3. Giám sát ho t ng c a TTLKCK trong vi c qu n lý và giám sát t l s d ng tài s n ký qu theo t ng tài kho n c a N T, TVBT; gi i h n v th c a N T khi tham gia giao d ch ch ng khoán phái sinh theo quy nh t i M c 3 Ch ng II Thông t này.

4. Giám sát giao d ch ch ng khoán c a N T t ch c trong n c, N T n c ngoài k p th i phát hi n các di n bi n b t th ng có th gây hi u ng tâm lý cho các N T nh l .

5. Giám sát vi c cung c p d ch v liên quan n giao d ch ch ng khoán c a các i t ng quy nh t i i m b, c, d, , e, h, i kho n 2 i u 2 Thông t này.

### **i u 6. Ph ng th c giám sát giao d ch ch ng khoán c a UBCKNN**

1. C n c d li u giao d ch do SGDCK cung c p, th c hi n phân tích, ánh giá, x lý theo quy nh i v i các giao d ch ch ng khoán có d u hi u b t th ng.

2. Giám sát giao d ch ch ng khoán d a trên thông tin t các ngu n:

a) Báo cáo giám sát, báo cáo ph c v công tác giám sát c a SGDCK, TTLKCK, TVGD;

b) Báo cáo c a các t ch c niêm y t, ng ký giao d ch;

c) Báo cáo, ph n ánh c a các t ch c, cá nhân tham gia giao d ch trên TTCK;

d) Các ngu n tin trên các ph ng ti n thông tin i chúng, tin n;

) Các ngu n thông tin khác.

3. Kiểm tra b t th ng i v i các i t ng giám sát thông qua vi c phát hi n các d u hi u giao d ch b t th ng theo báo cáo c a SGDCK, TTLKCK, TVGD và c a các t ch c, cá nhân tham gia giao d ch và cung c p các d ch v giao d ch ch ng khoán trên TTCK.

## M c 2

### GIÁM SÁT GIAO D CH CH NG KHOÁN

#### C A S GIAO D CH CH NG KHOÁN

##### i u 7. Quy n h n và trách nhi m c a SGDCK

1. Ban hành quy trình giám sát m b o th c hi n công tác giám sát có hi u qu ; ban hành h th ng tiêu chí giám sát giao d ch ch ng khoán trên SGDCK theo quy nh t i i u 9 Thông t này sau khi c UBCKNN ch p thu n.

2. Xây d ng h th ng c s d li u ph c v công tác giám sát, bao g m các n i dung quy nh t i i u 11 Thông t này.

3. Giám sát ho t ng giao d ch, cung c p các d ch v liên quan n giao d ch ch ng khoán trong ph m vi th tr ng giao d ch ch ng khoán do SGDCK t ch c theo quy nh c a pháp lu t.

4. Giám sát di n bi n các giao d ch trong ngày, nhi u ngày, nh k ; phân tích, ánh giá và ch u trách nhi m xác nh d u hi u thao túng TTCK, giao d ch n i b , các hành vi giao d ch quy nh t i kho n 3 i u 70 Ngh nh s 58/2012/N -CP.

5. Giám sát vi c công b thông tin và ch báo cáo theo quy nh hi n hành liên quan n giao d ch ch ng khoán c a TVGD, t ch c niêm y t, ng ký giao d ch, công ty qu n lý qu u t ch ng khoán, qu u t ch ng khoán i chúng, công ty u t ch ng khoán, nhà u t .

6. Rà soát các thông tin trên ph ng ti n thông tin i chúng, tin n liên quan n các giao d ch b t th ng.

7. Yêu c u TVGD, các t ch c, cá nhân có liên quan gi i trình, cung c p thông tin, tài li u liên quan n giao d ch ch ng khoán ph c v công tác giám sát giao d ch ch ng khoán.

8. Thực hiện kiểm tra nội vụ các TVGD theo quy định tại Điều 12 Thông tư này; phối hợp với UBCKNN kiểm tra nghiệp vụ hoạt động kinh doanh nội vụ các chi nhánh thu nhập và giám sát của SGDCK.

9. Xử lý theo quy định của SGDCK nội vụ TVGD vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán, nghiệp vụ UBCKNN xử lý các hành vi vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

10. Lập và gửi UBCKNN báo cáo nghiệp vụ, báo cáo hoạt động, báo cáo theo yêu cầu về giám sát giao dịch chứng khoán của các chi nhánh giám sát.

11. Phối hợp với TTLKCK báo cáo hoạt động giao dịch trên thị trường, hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh an toàn, hiệu quả theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh và các văn bản pháp luật liên quan khác.

### **Điều 8. Nội dung giám sát giao dịch chứng khoán của SGDCK**

1. SGDCK thực hiện giám sát nghiệp vụ, phát hiện các giao dịch và hành vi vi phạm pháp luật về giao dịch chứng khoán, bao gồm:

a) Hành vi giao dịch nội bộ;

b) Hành vi giao dịch thao túng TTCK;

c) Hành vi giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 70 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;

d) Hành vi vi phạm khác về giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Giám sát việc giao dịch, công bố thông tin và báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của niêm yết, công ty giao dịch tại SGDCK của các tổ chức niêm yết, công ty giao dịch, TVGD, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán nội địa, công ty đầu tư chứng khoán, công ty niêm yết, nhà đầu tư sở hữu 5% trở lên chứng khoán của một quỹ đầu tư chứng khoán, nghiệp vụ nội địa của tổ chức niêm yết, công ty giao dịch, nghiệp vụ nội địa của quỹ đầu tư chứng khoán niêm yết đầu tư và nghiệp vụ liên quan, nghiệp vụ quy định công bố thông tin và NT theo đúng quy định hiện hành.

### **Điều 9. Tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán**

1. SGDCK xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch nội vụ các chứng khoán của niêm yết, công ty giao dịch trên SGDCK làm cơ sở tiến hành giám sát giao dịch trong ngày và ngày sau khi UBCKNN chấp thuận.

2. Nội dung và các tham số chi tiết trong hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán phải được quy định và in ấn trong tài liệu cho

phù hợp với tình hình giao dịch trên TTCK và mức độ công tác giám sát giao dịch chứng khoán có hiệu quả.

#### **Điều 10. Phương thức giám sát giao dịch chứng khoán của SGDCK**

1. Giám sát trực tuyến trên hệ thống giám sát của SGDCK các giao dịch trong ngày của chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch phát hiện các giao dịch bất thường.

2. Giám sát giao dịch chứng khoán nhiều ngày dựa trên một hoặc các nguồn sau:

a) Cơ sở dữ liệu giao dịch chứng khoán;

b) Các báo cáo, phản ánh thông tin của các TVGD, thành viên niêm yết, đăng ký giao dịch, các tổ chức, cá nhân tham gia TTCK; thông tin của các NT công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

c) Các thông tin liên quan đến bù trừ và thanh toán chứng khoán phái sinh như của TTLCCK;

d) Các nguồn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, tin tức;

e) Các nguồn thông tin khác.

3. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin và ghi chép làm rõ thêm các dấu hiệu giao dịch bất thường.

4. Thực hiện kiểm tra nội vi các TVGD theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

5. Phối hợp với UBCKNN kiểm tra nhân tố hoặc bất thường nội vi các hoạt động thu cấp mệnh giá giám sát của SGDCK.

#### **Điều 11. Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ giám sát giao dịch chứng khoán**

SGDCK có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát giao dịch chứng khoán. Hệ thống cơ sở dữ liệu tối thiểu phải gồm các nội dung sau:

1. Các dữ liệu về kết quả giao dịch chứng khoán.

2. Danh sách và thông tin về các hoạt động thu cấp mệnh giá giám sát của SGDCK vì phạm quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định của SGDCK.

3. Các báo cáo và thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán đã công bố qua hệ thống công bố thông tin của SGDCK; các báo cáo, thông tin đã báo cáo UBCKNN.

4. Dữ liệu liên quan đến tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

## **Đ i u 12. Kiểm tra i v i thành viên giao d ch c a SGDCK**

1. Kiểm tra vi c tuân th các quy ch , quy nh, quy trình liên quan n giao d ch ch ng khoán, quy ch thành viên do SGDCK ban hành.

2. Kiểm tra vi c tuân th các quy nh v niêm y t và công b thông tin, giao d ch ch ng khoán c a TVGD là t ch c niêm y t, t ch c ng ký giao d ch ch ng khoán trên SGDCK.

3. C n c k t qu kiểm tra theo các quy nh t i kho n 1, 2 đ i u này, SGDCK có trách nhi m:

a) X lý theo quy ch c a SGDCK trong tr ng h p phát hi n vi ph m các quy nh liên quan n giao d ch ch ng khoán c a TVGD;

b) Báo cáo UBCKNN v k t qu kiểm tra và x lý;

c) Ki n ngh UBCKNN x lý các hành vi vi ph m i v i TVGD trong tr ng h p v t th m quy n c a SGDCK.

## **Đ i u 13. Báo cáo giám sát giao d ch nh k**

1. Trong vòng 02 ngày làm vi c u tiên c a tu n t i p theo, SGDCK có trách nhi m g i UBCKNN báo cáo giám sát giao d ch tu n, g m:

a) S l nh giao d ch, k t qu giao d ch ch ng khoán trong ngày; các thông tin nh k trong ngày giao d ch theo quy nh t i kho n 2 đ i u 33 Thông t s 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 n m 2015 c a B tr ng B Tài chính h ng d n v vi c công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán (sau ây g i t t là Thông t s 155/2015/TT-BTC) theo n i dung quy nh t i M u s 01 Ph 1 c I kèm theo Thông t này;

b) K t qu công tác giám sát giao d ch ch ng khoán tu n theo M u s 02 Ph 1 c I kèm theo Thông t này.

2. Trong vòng 10 ngày làm vi c u tiên c a tháng t i p theo, SGDCK có trách nhi m g i UBCKNN báo cáo giám sát giao d ch tháng theo n i dung quy nh t i M u s 03 Ph 1 c I kèm theo Thông t này.

3. Trong vòng 20 ngày làm vi c u tiên c a n m k t i p, SGDCK có trách nhi m g i UBCKNN báo cáo giám sát giao d ch n m theo n i dung quy nh t i M u s 04 Ph 1 c I kèm theo Thông t này.

4. Các báo cáo quy nh t i kho n 1, 2 và 3 đ i u này c l p đ i hình th c v n b n và t p đ li u i n t . Riêng báo cáo quy nh t i i m a kho n 1 đ i u này ch c n g i đ i đ ng t p đ li u i n t . Các báo cáo trên c g i đ i đ ng t p đ li u i n t trong tr ng h p UBCKNN, SGDCK u áp đ ng ch ng trình ch ký i n t . SGDCK có trách nhi m l u gi thông tin ã báo cáo theo quy nh c a pháp lu t.



#### **Điểm 14. Báo cáo giám sát giao dịch bất thường**

1. SGDCK có trách nhiệm gửi UBCKNN các báo cáo bất thường khi phát hiện dấu hiệu các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi SGDCK phát hiện sự vi phạm hoặc nhận được các báo cáo ngành công bố thông tin bất thường liên quan đến giao dịch chứng khoán.

2. Trong việc báo cáo bất thường nêu tại khoản 1 Điều này, SGDCK có trách nhiệm lập báo cáo phân tích riêng từng vụ việc, có ý kiến đánh giá và xu hướng án xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý trong trường hợp vượt quá thẩm quyền.

#### **Điểm 15. Báo cáo giám sát giao dịch theo yêu cầu**

1. SGDCK có trách nhiệm gửi báo cáo khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

2. Báo cáo gửi cho UBCKNN nêu tại khoản 1 Điều này phải thể hiện dấu hiệu thực tiễn và tập dữ liệu liên quan theo nội dung và hình thức UBCKNN yêu cầu.

### **Mục 3**

## **GIÁM SÁT CHẤM TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

### **VIỆT NAM**

#### **Điểm 16. Trách nhiệm và quy định của TTLKCK**

1. Xây dựng quy chế, quy trình nghiệp vụ cho hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh nhằm bảo đảm giám sát hiệu quả các hoạt động này.

2. Quản lý và giám sát việc duy trì các mức ký quỹ; xác định, chỉ định hình thức và vị TVBT, NĐT theo quy định.

3. Yêu cầu tổ chức, cá nhân thực phạm vi giám sát của TTLKCK có liên quan đến hoạt động bù trừ thanh toán chứng khoán báo cáo, ghi trình, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác giám sát.

4. Trường hợp phát hiện dấu hiệu bất thường trong thanh toán giao dịch hoặc dấu hiệu NĐT, TVBT mất khả năng thanh toán, TTLKCK cảnh báo, yêu cầu TVBT ghi trình, cung cấp tài liệu và thông tin liên quan và kịp thời báo cáo UBCKNN, đồng thời thông báo cho SGDCK.

5. Thông báo kịp thời cho SGDCK các trường hợp vi phạm tiềm ẩn dấu hiệu sai lệch ký quỹ, vi phạm ghi nhận và thanh toán.

6. Lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan quy định tại Điều 20 Thông tư này và chia sẻ các thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán cho SGDCK triển khai công tác giám sát giao dịch.

7. Thực hiện các nội dung về phối hợp giữa SGDCK và TTLKCK quy định tại Điều 29 Nghị quyết 42/2015/N-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về công khoán phải sinh và thanh toán công khoán phải sinh.

8. Phối hợp với UBCKNN kiểm tra, thanh toán hồ sơ và thẩm định về các nội dung thu cấp miễn phí giám sát của TTLKCK.

9. Xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm, báo cáo UBCKNN xử lý theo quy định của pháp luật trong trường hợp vi phạm quá thẩm quyền.

10. Lập và gửi UBCKNN báo cáo giám sát, thanh toán, theo yêu cầu và báo cáo phục vụ công tác giám sát theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

### **Điều 17. Nội dung giám sát của TTLKCK**

1. Giám sát TVLK, TVBT trong việc tuân thủ các quy định pháp luật về công khoán và thanh toán công khoán trong triển khai các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến ký, lập, ký, bù trừ và thanh toán công khoán.

2. Giám sát tài sản đăng tài sản ký quỹ theo tài khoản của NĐT, TVBT.

3. Giám sát việc ghi nhận và thanh toán của NĐT khi tham gia giao dịch công khoán phải sinh.

### **Điều 18. Tiêu chí giám sát của TTLKCK**

1. TTLKCK xây dựng và ban hành các nội dung giám sát tài sản ký quỹ, việc ghi nhận và thanh toán theo tài khoản của NĐT, TVBT theo quy định của pháp luật sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Nội dung và các nội dung giám sát phải phù hợp với quy định và điều kiện trong thị trường cho phù hợp với tình hình giao dịch trên TTCK và mức độ công tác giám sát của TTLKCK có hiệu quả.

### **Điều 19. Phương thức giám sát của TTLKCK**

1. Giám sát các trường hợp vi phạm tài sản đăng tài sản ký quỹ của nhà đầu tư, việc ghi nhận và thanh toán trên mặt hồ sơ các nguồn dữ liệu, thông tin sau:

a) Dữ liệu về việc thanh toán, ký quỹ của TVBT, NĐT;

b) Các báo cáo, thanh toán, thông tin phản ánh từ TVBT và các nội dung khác tham gia TTCK phải sinh;

c) Các nguồn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Các nguồn thông tin khác.

2. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung giám sát của TTLKCK cung cấp thông tin và ghi trình làm rõ thêm các dữ liệu bất thường.

3. Phối hợp với UBCKNN kiểm tra, thanh toán hồ sơ và thẩm định về các nội dung thu cấp miễn phí giám sát của TTLKCK.

## **Đ i u 20. L u tr ̄ d ̄ l i u ph ̄ c v ̄ công tác giám sát**

TTLKCK có trách nhiệm l u tr ̄ y ̄ thông tin v ̄ :

1. S ̄ l ̄ ng v ̄ th ̄ c u ̄ i ngày theo tài kho ̄ n c ̄ a N ̄ T, thành viên bù tr ̄ ; giá tr ̄ l ̄ , lãi, v ̄ th ̄ hàng ngày theo TVBT, giá tr ̄ ký qu ̄ ban ̄ u, giá tr ̄ ký qu ̄ yêu c ̄ u, giá tr ̄ và danh m ̄ c tài s ̄ n ký qu ̄ theo t ̄ ng tài kho ̄ n c ̄ a N ̄ T, TVBT.
2. Các thông tin liên quan ̄ ng i ̄ h ̄ n v ̄ th ̄ c ̄ a N ̄ T.
3. Danh sách và thông tin v ̄ các ̄ i t ̄ ng thu c ̄ ph ̄ m vi ̄ giám sát c ̄ a TTLKCK vì ph ̄ m quy ̄ nh c ̄ a pháp lu ̄ t v ̄ ch ̄ ng kho ̄ n và th ̄ tr ̄ ng ch ̄ ng kho ̄ n phái sinh và quy ̄ nh c ̄ a TTLKCK liên quan ̄ n bù tr ̄ , thanh toán ch ̄ ng kho ̄ n phái sinh.
4. D ̄ l i u v ̄ x ̄ lý ̄ i v ̄ i TVBT t ̄ i TTLKCK do vi ph ̄ m t ̄ l ̄ s ̄ d ̄ ng tài s ̄ n ký qu ̄ , vi ph ̄ m gi ̄ i h ̄ n v ̄ th ̄ .
5. D ̄ l i u liên quan ̄ n ho ̄ t ̄ ng bù tr ̄ thanh toán giao d ̄ ch ch ̄ ng kho ̄ n phái sinh c ̄ a TVBT, N ̄ T.

## **Đ i u 21. Báo cáo giám sát ̄ nh k**

1. Trong vòng 10 ngày làm vi c ̄ u tiên c ̄ a tháng t ̄ p theo, TTLKCK có trách nhiệm g ̄ i các báo cáo ̄ nh k ̄ tháng cho UBCKNN g ̄ m:
  - Báo cáo v ̄ ho ̄ t ̄ ng x ̄ lý vi ph ̄ m ̄ i v ̄ i TVBT (M u s ̄ 06 Ph ̄ l c II);
  - Báo cáo h ̄ tr ̄ thành viên bù tr ̄ m t kh ̄ n ng thanh toán (M u s ̄ 07 Ph ̄ l c II).
2. Các báo cáo ̄ nh k ̄ quy ̄ nh t ̄ i kho ̄ n l ̄ i u này ̄ c ̄ l ̄ p d ̄ i hình th ̄ c v ̄ n b ̄ n và t ̄ p d ̄ l i u ̄ i n t (có áp d ̄ ng ch ̄ ng trình ch ̄ ký i n t ̄ ).

## **Đ i u 22. Báo cáo giám sát b ̄ t th ̄ ng**

1. TTLKCK có trách nhiệm g ̄ i UBCKNN các báo cáo b ̄ t th ̄ ng khi phát hi ̄ n d ̄ u hi ̄ u vi ph ̄ m các quy ̄ nh liên quan ̄ n ho ̄ t ̄ ng ký qu ̄ , gi ̄ i h ̄ n v ̄ th ̄ , bù tr ̄ , thanh toán giao d ̄ ch ch ̄ ng kho ̄ n phái sinh.
2. Báo cáo b ̄ t th ̄ ng g ̄ i UBCKNN d ̄ i hình th ̄ c v ̄ n b ̄ n và t ̄ p d ̄ l i u ̄ i n t trong vòng hai m ̄ i b ̄ n (24) gi ̄ k ̄ t khi TTLKCK phát hi ̄ n s ̄ vi c ̄ ho c ̄ nh ̄ n ̄ c các báo cáo ̄ nh công b ̄ thông tin b ̄ t th ̄ ng liên quan ̄ n ch ̄ ng kho ̄ n có d ̄ u hi ̄ u b ̄ t th ̄ ng.
3. ̄ i v ̄ i báo cáo giám sát b ̄ t th ̄ ng, TTLKCK có trách nhiệm l ̄ p báo cáo, có ý ki ̄ n ̄ ánh giá và ̄ xu t ph ̄ ng ̄ án x ̄ lý theo th ̄ m quy ̄ n ho c ̄ ki ̄ n ngh ̄ x ̄ lý trong tr ̄ ng h ̄ p v ̄ t quá th ̄ m quy ̄ n.

### **Điểm 23. Báo cáo giám sát theo yêu cầu**

1. TTLKCK có trách nhiệm gửi báo cáo khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

2. Báo cáo gửi cho UBCKNN nêu nội dung như sau: nội dung này phải thể hiện được hình thức văn bản và nội dung liên quan theo nội dung và hình thức UBCKNN yêu cầu.

### **Chương III**

### **NGHỊ ĐỊNH CỦA CÁC TỔ CHỨC GIÁM SÁT**

**Điểm 24. Nghị định về cung cấp thông tin và ghi trình theo yêu cầu của các tổ chức và cá nhân tham gia giao dịch chứng khoán, cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán**

1. Tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch chứng khoán, cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán có nghĩa vụ cung cấp, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến nội dung giám sát giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK, TTLKCK; ghi trình theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK về nội dung các sự kiện liên quan đến giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và thủ tục công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán trong các trường hợp như sau:

a) Giao dịch chứng khoán của tổ chức, cá nhân là công dân theo quy định tại Điều 29 Luật Chứng khoán và Thông tư số 155/2015/TT-BTC;

b) Giao dịch chứng khoán của tổ chức, cá nhân và người có liên quan có ý định mua bán tối thiểu hai triệu đồng (25%) cổ phiếu có quy định quy định, chứng khoán của công ty niêm yết, chứng khoán ký giao dịch, quĩ; Giao dịch chứng khoán của tổ chức, cá nhân và người có liên quan mua bán tối thiểu hai triệu đồng (25%) trở lên cổ phiếu có quy định quy định, chứng khoán của công ty niêm yết, chứng khoán ký giao dịch, quĩ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán đã nêu và Điều 11 Điều 1 Luật Sở hữu, bổ sung một số nội dung của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;

c) Giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, người niêm yết của công ty niêm yết, chứng khoán ký giao dịch, người niêm yết của quĩ chứng khoán niêm yết, người niêm yết quy định công bố thông tin và những người có liên quan theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC;

d) Các Ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ mở tài khoản tín dụng chứng khoán cho Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin về số dư tài khoản tín dụng của khách hàng theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

) Các Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp số liệu liên quan đến hoạt động mua, giao dịch chứng khoán của quý mà ngân hàng thực hiện giám sát theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch trên TTCK có trách nhiệm hợp tác với UBCKNN, SGDCK, TTLKCK cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch chứng khoán, cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán không phải hợp tác với các cơ quan quy định tại khoản 2 điều này sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 25. Nghĩa vụ của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**

TTLKCK có nghĩa vụ lưu trữ và cung cấp các thông tin liên quan đến các hoạt động niêm yết và thực hiện chế độ báo cáo UBCKNN định kỳ, bất thường và theo yêu cầu phục vụ công tác giám sát TTCK.

1. Trong vòng 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng TTLKCK có trách nhiệm gửi UBCKNN báo cáo định kỳ tháng gồm:

- a) Báo cáo tình hình cơ bản chứng khoán (Mục số 01 Phần I c II);
- b) Báo cáo tình hình số liệu, xử lý lỗi, lùi thời hạn thanh toán, lợi nhuận thanh toán (Mục số 02 Phần I c II);
- c) Thông kê giao dịch chứng khoán chuyển quyền sở hữu không qua hệ thống giao dịch của SGDCK (cho, tặng, biếu, thừa kế ....) (Mục số 03 Phần I c II);
- d) Báo cáo về thông tin và danh tính tài khoản giao dịch chứng khoán của N.T.M.T các công ty chứng khoán (Mục số 04 Phần I c II);

) Danh sách công nhân của các công ty chứng khoán tại TTLKCK (Mục số 05 Phần I c II).

Báo cáo định kỳ tháng quy định tại mục a, b khoản 1 điều này có lập dưới hình thức văn bản và tệp dữ liệu điện tử (có áp dụng chứng trình chữ ký điện tử). Riêng nội dung báo cáo quy định tại mục c, d và khoản 1 điều này áp dụng phương thức gửi dữ liệu điện tử. TTLKCK có trách nhiệm lưu giữ thông tin đã báo cáo theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo bất thường: TTLKCK có trách nhiệm gửi UBCKNN các báo cáo bất thường khi phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định liên quan đến hoạt động số liệu, lùi thời hạn thanh toán, lợi nhuận không thanh toán giao dịch, chuyển quyền sở hữu không qua hệ thống giao dịch, thất số hộ chứng khoán nội vụ nhà đầu tư, chứng minh, thay đổi số hộ chứng khoán, thực hiện quy định; vi phạm của các thành viên lưu ký chứng khoán, thành viên bù trừ, các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ do TTLKCK cung cấp theo quy định của pháp luật.

Báo cáo b t th ng g i UBCKNN d i hình th c v n b n và t p d li u i n t trong vòng hai m i b n (24) gi k t khi TTLKCK phát hi n s vi c ho c nh n c các báo cáo ngh công b thông tin b t th ng liên quan n ch ng khoán có d u hi u b t th ng.

3. Báo cáo theo yêu c u: TTLKCK có trách nhi m g i báo cáo khi nh n c yêu c u b ng v n b n c a UBCKNN ph c v công tác giám sát. Báo cáo theo yêu c u g i UBCKNN ph i c th hi n d i hình th c v n b n và t p d li u i n t theo n i dung và th i h n UBCKNN yêu c u.

4. TTLKCK có trách nhi m l u gi thông tin ã báo cáo theo quy nh c a pháp lu t.

5. Tr ng h p c n thi t, TTLKCK th c hi n báo cáo nh k ho c b t th ng theo yêu c u c a B Tài chính.

### **i u 26. Ngh a v c a TVGD, TVLK**

1. Ngh a v ph i h p tri n khai công tác giám sát c a TVGD, TVBT

a) Ph i h p v i UBCKNN, SGDCK, TTLKCK trong vi c th c hi n công tác giám sát giao d ch ch ng khoán khi c yêu c u;

b) Ph i h p v i UBCKNN trong vi c m i N T n làm vi c v i các oàn ki m tra c a UBCKNN liên quan n các giao d ch có d u hi u b t th ng;

c) Tr ng h p phát hi n giao d ch vi ph m các quy nh v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán có trách nhi m báo cáo UBCKNN.

2. Ngh a v báo cáo c a TVGD

a) TVGD có trách nhi m th c hi n ch báo cáo ph c v công tác giám sát giao d ch ch ng khoán trong ph m vi ch c n ng c a mình g i UBCKNN, SGDCK g m:

- Báo cáo nh k tháng: Trong vòng 05 ngày làm vi c u tiên c a tháng, TVGD có trách nhi m g i SGDCK báo cáo nh k hàng tháng theo m u t i Ph l c III Thông t này.

- Báo cáo b t th ng: TVGD có trách nhi m báo cáo UBCKNN, SGDCK trong vòng hai m i b n (24) gi k t khi phát hi n các giao d ch có d u hi u là các giao d ch b c m quy nh t i i u 9 Lu t Ch ng khoán.

- Báo cáo theo yêu c u: TVGD có trách nhi m g i UBCKNN, SGDCK báo cáo theo yêu c u khi nh n c yêu c u b ng v n b n c a UBCKNN, SGDCK. TVGD có ngh a v báo cáo y , chính xác và k p th i theo úng n i dung và th i h n c yêu c u b ng v n b n c a UBCKNN, SGDCK.

b) Báo cáo nh k , b t th ng và theo yêu c u quy nh t i i m a kho n này c th hi n d i hình th c v n b n và t p d li u i n t (trong tr ng h p c n thi t).

## Chương IV

### I. U KHO N THI HÀNH

#### **Điều 27. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2017 và thay thế Thông tư số 13/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

#### **Điều 28. Thành phần thi hành**

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, thành viên giao dịch, thành viên bù trừ, tổ chức niêm yết, công ty giao dịch, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Vị trí số và nội dung, thay thế Thông tư này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết.

#### **Nội dung:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban chấp hành;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng ban chấp hành phòng chứng khoán tham nhũng Trung ương;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo;
- Website CP;
- Các Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website BTC, UBCKNN;
- Luật: VT, UBCK, (200b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**TH. TRƯỞNG**

**Trần Xuân Hà**

**PH L C I**  
**BÁO CÁO GIÁM SÁT GIAO D CH T I S GIAO D CH CH NG KHOÁN**

(Ban hành kèm theo Thông t s /20.../TT-BTC ngày ... tháng ... n m 20.. c a B tr ng B Tài chính  
h ng d n Giám sát giao d ch ch ng khoán trên th tr ng ch ng khoán)

**M U S 01. BÁO CÁO TU N (S L NH VÀ K T QU GIAO D CH)**

**I. D li u thông tin th tr ng:** Thông tin nh k trong ngày giao d ch theo quy nh t i kho n 2 i u 33 Thông t s 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 n m 2015.

**II. S l nh giao d ch c phi u/ch ng ch qu /ch ng quy n có b o m t i SGDCK TP.HCM**

Mã TV	Ngày	Gi t l nh	Máy tr m nh p l nh	L nh mua/bán	S th t l nh	Ch ng khoán	Kh i l ng t l nh	Kh i l ng ch a kh p	Kh i l ng kh p l nh	Tài kho n t l nh	Giá t l nh	Tình tr ng l nh	Giá tr l nh	Lo i l nh (N u có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

**Ghi chú:**

- (1) Mã thành viên: t 001, ..., nm.
- (2) Ngày giao d ch: ngày/tháng/n m
- (3) Th i gian nh p l nh (s th nh t và 2 ho c s th nh t: gi ; s th 3 và 4: phút; 4 s cu i: giây)
- (4) Máy tr m nh p l nh c a thành viên: s cu i: s th t máy tr m; s u ho c 2 s u: mã thành viên.
- (5) L nh mua/bán trong ó S/B: sell/buy ho c B/M: bán/mua
- (6) S th t l nh nh p c a thành viên: 4 s cu i t 0001 n 9999 theo th t th i gian
- (7) Mã ch ng khoán
- (8) Kh i l ng t: s c phi u
- (9) Kh i l ng ch a kh p: s c phi u
- (10) Kh i l ng kh p l nh: s c phi u
- (11) Tài kho n t l nh
- (12) Giá t l nh: nghìn ng/c ph n
- (13) Tình tr ng l nh: (M) Kh p/(O) không kh p/(X) h y
- (14) Giá tr kh p: nghìn ng
- (15) Lo i l nh: l nh gi i h n/l nh ATO/l nh ATC



### III. Số lệnh giao dịch chứng khoán quy định tại SGDCK Hà Nội

Ngày GD	Thời gian	Loại lệnh	TT	S hi u lệnh	S hi u lệnh g c	CK	M/B	SL	Giá	S l ng ch kh p	Giá ch kh p	SL kh p	SL h y	SL lo i b	i di n giao d ch	Mã thành viên	Mã th tr ng	Lo i hình N T	TK N T	L i su t
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

#### Ghi chú:

- (1) Ngày giao dịch: ngày/tháng/năm  
 (2) Thời gian nhập lệnh (s: phút và 2 hoặc s: phút; s: giây; s: phút 3 và 4: phút; 4 s: giây)  
 (3) Loại lệnh  
 (4) Tình trạng lệnh  
 (5) & (6) Số hi u lệnh và Số hi u lệnh g c  
 (7) Chứng khoán  
 (8) M/B (mua/bán)  
 (9) Số lượng lệnh  
 (10) Giá lệnh  
 (11) Số lượng chấp  
 (12) Giá chấp  
 (13) Số lượng chấp  
 (14) Số lượng hủy  
 (15) Số lượng lệnh  
 (16) Mã di n giao d ch  
 (17) Mã Thành viên  
 (18) Mã th tr ng  
 (19) Loại hình Nhà u t  
 (20) Tài khoản Nhà u t  
 (21) Lệ suất (áp dụng cho Trái phiếu)

#### IV. K t qu kh p l nh giao d ch c phi u/ch ng ch qu / ch ng quy n có b o m t i SGDCK TP.HCM

S th t	Mã TV ng i mua	Mã TV ng i bán	STT nh p l nh mua	STT nh p l nh bán	Th i gian kh p l nh	Ngày giao d ch	Máy tr m nh p l nh mua	Máy tr m nh p l nh bán	Lo i hình N T mua	Lo i hình N T bán	Mã ch ng khoán	Kh i l ng kh p	Giá	Tài kho n mua	Tài kho n bán	Giá tr kh p l nh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

#### Ghi chú:

- (1) S th t (1, ..., n) kh p l nh
- (2) Mã Thành viên ng i mua
- (3) Mã Thành viên ng i bán
- (4) S th t nh p l nh mua
- (5) S th t nh p l nh bán
- (6) Th i gian kh p l nh (s th nh t và 2 ho c s th nh t: gi ; s th 3 và 4: phút; 4 s cu i: giây)
- (7) Ngày giao d ch: ngày/tháng/n m
- (8) Máy tr m nh p l nh mua (s i di n giao d ch): s th nh t và 2: mã thành viên; s cu i: s th t máy tr m c a thành viên
- (9) Máy tr m nh p l nh bán (s i di n giao d ch): s th nh t và 2: mã thành viên; s cu i: s th t máy tr m c a thành viên
- (10) Lo i hình Nhà u t mua (T ch c, Cá nhân, Qu ...)
- (11) Lo i hình Nhà u t bán (T ch c, Cá nhân, Qu ...)
- (12) Mã ch ng khoán
- (13) Kh i l ng kh p l nh: c phi u
- (14) Giá kh p l nh
- (15) Tài kho n mua
- (16) Tài kho n bán
- (17) Giá tr kh p l nh

### V. K t qu kh p l nh giao d ch c phi u/ch ng ch qu t i SGDCK Hà N i

Ngày GD	Th i gian	S phiên	S hi u l nh	SHL liên quan	S xác nh n l nh kh p	TV bán	i di n giao d ch bán	N T bán	Mã CK	S l ng kh p	Giá kh p	Mã th tr ng	Thành viên mua	i di n GD mua	N T Mua	Hình th c GD	L i su t	Hình th c thanh toán	Trong/sau gi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

#### Ghi chú:

- |   |  |
|---|--|
| (1) Ngày giao d ch: ngày/tháng/n m  | (11) S l ng kh p                       |
| (2) Th i gian kh p l nh (s th nh t và 2 ho c s th nh t: gi ; s th 3 và 4: phút; 4 s cu i: giây) | (12) Giá kh p                          |
| (3) S phiên kh p l nh   | (13) Mã th tr ng                       |
| (4) và (5) S hi u l nh và S hi u l nh liên quan   | (14) Thành viên bên mua                |
| (6) S xác nh n l nh kh p  | (15) i di n giao d ch bên mua          |
| (7) Thành viên bên bán  | (16) Tài kho n Nhà u t mua             |
| (8) i di n giao d ch bên bán  | (17) Hình th c giao d ch               |
| (9) Tài kho n Nhà u t bán   | (18) L i su t (áp d ng cho Trái phi u) |
| (10) Mã ch ng khoán   | (19) Hình th c thanh toán              |
|   | (20) Giao d ch trong gi hay sau gi     |

**VI. Kết quả giao dịch tho thu nợ c phi u/ch ng ch qu /ch ng quy n có b o m/Trái phi u t i SGDCK TP.HCM**

(Giao d ch th a thu n C phi u & ch ng ch qu , Trái phi u c l p thành t ng b ng riêng)

Ngày giao d ch	Mã TV bán	Mã TV mua	Ch ng khoán	Tài kho n bán	Tài kho n mua	Kh i l ng t bán	Kh i l ng t mua	Giá kh p	Kh i l ng kh p	Giá tr kh p
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

**Ghi chú:**

(1): Ngày giao d ch (ngày/tháng/n m)

(2)&(3): Mã thành viên (mua/bán)

(4): Mã c phi u, ch ng ch qu Trái phi u

(5) & (6) Tài kho n bán/mua

(7) và (8) KL t bán/ t mua

(9) Giá kh p

(10) Kh i l ng kh p

(11) Giá tr kh p

**VII. K t qu giao d ch tho thu n c phi u/ch ng ch qu /Trái phi u t i SGDCCK Hà N i**

(Giao d ch trái phi u doanh nghi p c l p thành t ng b ng riêng)

Ngày giao d ch	Th i gian	S hi u l nh	SHL liên quan	Lo i l nh	Tình tr ng	TV bán	DGD bán	N T bán	CK	M/B	S l ng	Giá	Mã TT	TV Mua	DGD mua	N T mua	Hình th c thanh toán	Chu k TT	L i su t	S T	Trong/sau gi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)

**Ghi chú:**

(1): Ngày giao d ch (ngày/tháng/n m)

(2): Th i gian kh p l nh

(3)&(4): S hi u l nh và S hi u l nh liên quan

(5): Lo i l nh

(6): Tình tr ng l nh

(7)&(15) Thành viên bán/mua

(8)&(16): i di n giao d ch bán/mua

(9)&(17): Nhà u t bán/mua

(18): Hình th c thanh toán: Tr c ti p ho c a ph ng

(19): Chu k thanh toán: T+X v i X là s ngày sau ngày T giao d ch

(20): L i su t (áp d ng cho Trái phi u)

(10) Mã ch ng khoán

(11) Mua/bán

(12) S l ng c phi u

(13) Giá

(14) Mã th tr ng

(21) S i n tho i (n u có)

(22) Giao d ch trong/sau gi

...., ngày ... tháng ... n m

**T ng Giám c S Giao d ch Ch ng khoán**

**Ghi chú:** Các báo cáo này c l p d i d ng file d li u i n t nh d ng exel ho c File text chi t xu t t h th ng giao d ch;  
Font ch : Unicode Times New Roman.



**M U S 2. BÁO CÁO TU N****S GIAO D CH CH NG KHOÁN...****C NG HOÀ XÃ H ICH NGH A VI T NAM  
c l p - T do - H nh phúc**

S : /SGDCK

...., ngày tháng n m 201...

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TU N .../201...**

Báo cáo tình hình x lý các d u hi u giao d ch b t th ng trong tu n ... /201...

TT	Mã c nh báo theo tiêu chí	D u hi u giao d ch b t th ng	Mã ch ng khoản giao d ch	Ngày giao d ch	Ngày b t u x lý	Tình tr ng x lý
1	2	3	4	5	6	7

**Ghi chú:**

- D u hi u giao d ch b t th ng: theo H th ng tiêu chí giám sát giao d ch b t th ng do S Giao d ch Ch ng khoán ban hành.
- Bi u này c l p và báo cáo hàng tu n.

N i nh n:

**T ng Giám c S Giao d ch Ch ng khoán**

**M U S 3. BÁO CÁO THÁNG /201.....**

**S GIAO DỊCH CHẾ NH KHOẢN... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CLP - TĐ - HNPH**

S : /SGDCK

..., ngày tháng năm 201...

**BÁO CÁO GIÁM SÁT THÁNG .../201....****I. Về việc tổ chức công tác giám sát tại S Giao dịch Chế nh khoản**

1. Tổ chức và hoạt động của bộ máy giám sát (nếu có thay đổi).
2. Về việc ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình giám sát tại S Giao dịch Chế nh khoản.
3. Về việc tổ chức giám sát giao dịch hàng ngày, định kỳ.
4. Về việc thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường và báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Chế nh khoản Nhà nước.
5. Về việc phối hợp với các đơn vị khác trong công tác giám sát.
6. Về việc xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát.

**II. Các công việc đang triển khai**

*Biểu 1. Báo cáo tình hình xử lý các dữ liệu giao dịch bất thường tháng*

TT	Mã số báo theo tiêu chí giám sát	Dữ liệu giao dịch bất thường	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Mã tài khoản giao dịch	Mã chế nh khoản giao dịch	Ngày GD	Dữ liệu vi phạm	Ngày bắt xử lý	Tình trạng xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

*Ghi chú: Dữ liệu giao dịch bất thường: theo Hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch bất thường do SGDCK ban hành.*

**III. Kết quả công tác giám sát tại S Giao dịch chế nh khoản**

1. Về việc thực hiện giao dịch của các thành viên giao dịch

*Biểu 1. Hành vi vi phạm về giao dịch chế nh khoản*

TT	Tổ chức/cá nhân vi phạm về giao dịch chế nh khoản	Mã tài khoản giao dịch	Tên CTCK thực hiện GD	Loại hành vi vi phạm	Ngày GD	Mã chế nh khoản giao dịch	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8



## 2. Về hoạt động giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm

- Về việc phát hiện các giao dịch bất thường (phân loại theo tiêu chí giám sát bất thường do Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành).

- Kết quả kiểm tra về giao dịch chứng khoán do Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện, kết quả xử lý những hành vi vi phạm (theo thẩm quyền).

- Các vấn đề kiến nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử lý vi phạm.

## IV. Kiến nghị

1. Về chính sách

2. Kiến nghị khác (nếu có)

*Nội dung:*

**Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán**

**M U S 04. BÁO CÁO GIÁM SÁT N M 20....**

**S GIAO D CH CH NG KHOÁN... C NG HOÀ XÃ H ICH NGH A VI T NAM**  
**c l p - T do - H nh phúc**

S : /SGDCK

...., ngày tháng n m 201...

**BÁO CÁO GIÁM SÁT N M 20....****I. V vi c t ch c ho t ng giám sát t i S Giao d ch Ch ng khoán**

1. T ch c và ho t ng c a b máy giám sát
2. V vi c ban hành, b sung, s a i các quy ch , quy nh, quy trình giám sát t i S Giao d ch Ch ng khoán.
3. V vi c t ch c giám sát giao d ch hàng ngày, nhi u ngày.
4. V vi c th c hi n báo cáo nh k , báo cáo b t th ng và báo cáo theo yêu c u i v i y ban Ch ng khoán Nhà n c.
5. V vi c ph i h p v i h p v i các n v khác trong công tác giám sát.
6. V vi c xây d ng H th ng c s d li u ph c v công tác giám sát.

**II. Các công vi c ang tri n khai**

*Bì u 1: Báo cáo tình hình x lý các d u hi u giao d ch b t th ng*

TT	Mã c nh báo theo tiêu chí giám sát	D u hi u giao d ch b t th ng	T ch c/ cá nhân th c hi n giao d ch	Mã tài kho n giao d ch	Mã ch ng khoán giao d ch	Ngày giao d ch	D u hi u vi ph m	Ngày b t u x lý	Tình tr ng x lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

*Bì u 2: Danh sách t ch c, cá nhân vi ph m quy nh v giao d ch ch ng khoán*

TT	Tên t ch c cá nhân	Mã thành viên giao d ch	Mã tài kho n giao d ch	Tên CTCK	Hành vi vi ph m v GDCK		Vi ph m v công b thông tin khi th c hi n các giao d ch (c ông l n, c ông n i b và ng i liên quan, c phi u qu , c phi u h n ch chuy n nh ng, giao	T ng c ng	Ghi chú
					Vi ph m/d u hi u vi ph m các quy nh v GDCK	Vi ph m/d u hi u vi ph m giao d ch b c m			

											d ch khác)	
					Giao d ch cùng mua/bán	Hu /s a l nh sai quy nh	Khác	Giao d ch n i b	Giao d ch thao túng	Giao d ch b c m khác		
I/CTCK					x	x	x		x	x	x	
II/ i di n GD/nhân viên CTCK					x	x	x			x	x	
III/T ch c/cá nhân khác							x	x	x	x	x	

**Ghi chú v Bi u s 2:**

- Bi u này t ng h p s l n vi ph m v giao d ch và công b thông tin c a các i t ng th c hi n giao d ch;

- Lo i hành vi vi ph m c th ng kê theo quy nh hi n hành.

**III. Ki n ngh**

1. V chính sách ch

2. Ki n ngh khác (n u có)

N i nh n:

**T ng Giám c S Giao d ch Ch ng khoán**

**Ghi chú**

- **Hành vi vi ph m v giao d ch ch ng khoán** t i các Bi u trong Ph l c này bao g m 2 nhóm hành vi: hành vi vi ph m các quy nh v giao d ch (cùng mua/bán, giao d ch không d n n vi c thay i quy n s h u ch ng khoán, và các vi ph m khác v quy ch giao d ch) và hành vi giao d ch b c m (giao d ch n i b ; giao d ch thao túng và giao d ch b c m khác)

- **K báo cáo t i Ph l c** này c l p theo tu n, tháng và n m D ng l ch

- Các báo cáo này c l p d i d ng file d li u i n t nh d ng exel ( i v i d li u báo cáo b ng b ng bi u) ho c File text chi t xu t t h th ng giao d ch; Font ch : Unicode Times New Roman.

**PH Ụ L Ụ C II**  
**M Ụ B I Ụ B Ậ O C Ậ O A TRUNG T Ậ M L Ụ K Ậ**  
**CH Ậ NG KHO Ậ N VI Ậ T NAM**

(Ban hành kèm theo Thông t ậ s ...../...../TT-BTC ngày .... tháng .... n m  
 ..... c a B tr ậ ng B Ậ tài chính h ậ ng d ậ giám sát giao d ậ ch ch ậ ng kho ậ n  
 trên th tr ậ ng ch ậ ng kho ậ n)

**TRUNG T Ậ M L Ụ K Ậ CH Ậ NG KHO Ậ N C Ậ NG HO Ậ X Ậ H I CH Ậ NG H Ậ A VI Ậ T NAM**  
**c l p - T do - H nh phúc**

S : /TTLKCK

..., ngày tháng n m 201...

**B Ậ O C Ậ NH K TH Ậ NG**

**1. Báo cáo ho t ậ ng c p mã ch ậ ng kho ậ n**

*M ụ s 1: Tình hình c p mã ch ậ ng kho ậ n*

Stt	Ngày c p mã ch ậ ng kho ậ n	Tên T ch c phát hành	V n i u l , SLCK ậ ng ký c a T C P H	a ch c a T C P H	Mã ch ậ ng kho ậ n trong n c do V S D c p	Mã ISIN do V S D c p	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

**2. Báo cáo tình hình s a l i, l ậ th i h n thanh toán, lo i b không thanh  
toán giao d ậ ch ch ậ ng kho ậ n**

*M ụ s 2: Tình hình s a l i, l ậ th i h n thanh toán, lo i b không thanh  
toán*

Stt	Mã thành viên l ậ ký	Tên thành viên l ậ ký	Lo i l nh	Tài kho n s a l i	Mã ch ậ ng kho ậ n	S l ậ ng	Ngày giao d ậ	Ngày s a l i/l ậ th i h n thanh toán/lo i b không thanh toán giao d ậ	Thành viên l ậ ký liên quan	S l ậ ng ch ậ ng kho ậ n h tr	Lý do s a/ l ậ th i h n/ lo i b không thanh toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A. S a l i											
B. L ậ th i h n thanh toán											
C. Lo i b không toán											

3. Thông kê giao dịch chuyển khoản quy định của chủ không qua hệ thống giao dịch

*Mục 3. Chi tiết tình hình chuyển khoản quy định của chủ chuyển khoản*

STT	Tên bên chuyển nhượng	Số ký số của bên chuyển nhượng	Số Tài khoản giao dịch của bên chuyển nhượng	Tên bên nhận chuyển nhượng	Số ký số của bên chuyển nhượng	Số Tài khoản giao dịch của bên chuyển nhượng	Mã chuyển khoản quy định của chủ	Số lệnh chuyển khoản quy định của chủ	Ngày chuyển nhượng lần	Loại giao dịch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

4. Thông tin và danh tính tài khoản giao dịch chuyển khoản của nhà đầu tư tại các CTCK

*Mục 4. D لی u v thông tin và danh tính tài khoản giao dịch chuyển khoản của N T*

**Biểu 1: Thông tin và danh tính của N T mở tài khoản**

STT	Tên khách hàng	Loại hình	Mã TKGD	Địa chỉ	Số ký số của chủ	Ngày cấp	Ngày cấp	Ngày mở	Quốc tịch	Ghi chú
1		Tổ chức								
2		Cá nhân							M	Ng i Việt Nam

**Biểu 2: Thông tin và danh tính của N T có tài khoản**

STT	Tên khách hàng	Loại hình	Mã TKGD	Địa chỉ	Số ký số của chủ	Ngày cấp	Ngày cấp	Ngày mở	Quốc tịch	Ghi chú
1		Tổ chức								
2		Cá nhân							M	Ng i Việt Nam

**Biểu 3: Thông tin và danh tính của N T thay đổi thông tin**

STT	Tên khách hàng	Loại hình	Mã TKGD	Địa chỉ	Số ký số của chủ	Ngày cấp	Ngày cấp	Quốc tịch	Ghi chú
1		Tổ chức							
2		Cá nhân						M	Ng i Việt Nam

5. Thông tin về công nợ của các công ty ký chứng khoán tại TTLKCK

Mục 5. Báo cáo về công nợ

STT	Mã CK	Số công nợ ký	Thông tin công				Đơn vị		Củi		Ghi chú
			Tên công	Số công ký	Ngày công	Địa chỉ liên hệ	Số công	Tỷ lệ %	Số công	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

6. Hồ sơ xử lý vi phạm nội vụ thành viên bù trừ

Mục 6. Xử lý vi phạm thành viên bù trừ

TVBT	Thông tin N T					Số lỗi vi phạm	
	H tên N T	S KSH	Ngày công	TKGD	TKKQ	% số lỗi tài khoản ký qu	Giá trị v th
<b>001 - CTCP Chứng khoán</b>							
<b>C ng</b>							
<b>002 - Công ty TNHH Chứng khoán</b>							
<b>C ng</b>							

7. Hồ sơ thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán

Mục 7: Hồ sơ thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán

STT	Mã TVBT	Tên TVBT	Ngày mất khả năng thanh toán	Tổng số tiền số nợ	Nguồn số nợ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	

**Kiểm tra**

1. Về chính sách chi .
2. Kiểm tra khác (nếu có).

**Ghi chú:**

- K báo cáo tài chính II lập theo tháng Đăng ký;
- Báo cáo lập dưới hình thức file dữ liệu có nội dung Excel (nếu có) và nội dung báo cáo dưới dạng bảng (nếu có), font chữ Unicode Times New Roman.

**PH L C III**  
**BÁO CÁO NH K C A TVGD**

*(ban hành kèm theo Thông t s ...../.../TT-BTC ngày tháng.....n m c a  
B tr ng B Tài chính h ng d n giám sát giao d ch ch ng khoán trên TTCK)*

**CÔNG TY CH NG KHOÁN C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM**  
S : /BCGS-....

....., ngày tháng n m

**BÁO CÁO GIÁM SÁT NH K THÁNG...../**

Báo cáo tình hình phát hi n và x lý các d u hi u giao d ch b t th ng trong tháng .../20..

STT	N i dung báo cáo	Mã CK/ nhóm TK	D u hi u vi ph m	Kho ng th i gian giao d ch	Tình tr ng x lý
1	Phát hi n d u hi u vi ph m các quy nh v giao d ch ch ng khoán c a nhà u t là khách hàng c a CTCK, nhân viên CTCK;				
2	Phát hi n các d u hi u b t th ng trong giao d ch c a nhà u t , nhóm nhà u t cố m i liên h v i nhau là khách hàng c a CTCK*				
3	Vi ph m các quy nh liên quan n ho t ng y quy n giao d ch ch ng khoán				

\*D u hi u b t th ng c a m t nhóm nhà u t g m nh ng d u hi u chính sau:

a. Cùng ngày m tài kho n, cùng a ch liên h , cùng mua, cùng bán m t lo i ch ng khoán làm nh h ng n giá, kh i l ng c a m t ho c nhi u mã ch ng khoán.

b. Cùng ngày m tài kho n, cùng a ch liên h , mua, bán qua l i v i nhau làm nh h ng n giá, kh i l ng c a m t ho c nhi u mã CK

c. t, h y l nh liên t c ho c liên t c t mua, t bán cùng 01 lo i ch ng khoán.

CTCK... xin báo cáo SGDCK.

**N i nh n:**

- S GDCK;
- V Giám sát TTCK-UBCKNN;
- L u: .....,VT.

**CÔNG TY.....**

**Tài li u ính kèm:** thông tin chi ti t v t ch c, cá nhân vi ph m